TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2023
V/v "Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

2. Ông Cao Đình Nhân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Hoàng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 590/2022/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về vụ việc: "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 và Thông báo việc hoãn phiên toà và thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số: 160/TB-TA ngày 09 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số: 320/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Lệ S, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn H, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, lời khai của nguyên đơn bà Trần Thị Lệ S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H đăng ký kết hôn ngày 08/9/2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 08/9/2004. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu Nều năm. Sau khi cưới vợ chồng ở nhà chồng được 08 tháng thì vợ chồng ra ở riêng, sau đó hai vợ chồng thuê nhà ở tại xã Bình Thạnh, huyện Đ. Qúa trình vợ chồng chung sống thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ khi lấy nhau cho đến nay. Tuy lấy nhau sống 20 năm nhưng gia đình luôn mâu thuẫn. Mặc dù, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày vẫn càng trầm

trọng hơn. Mâu thuẫn tình cảm không thể giải quyết được, xung đột gia đình xảy ra không thể hàn gắn được, không có tiếng nói chung, không đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn yêu thương nhau, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt, tháng 11/2022 đến nay vợ chồng không sống chung với nhau, mạnh ai nấy sống không quan tâm đến nhau. Quá trình chung sống ông bà có 03 con chung là cháu Võ Hoàng N N, sinh ngày 04/4/2005, cháu Võ Lê Như Q, sinh ngày 01/01/2007, cháu Võ Hoàng Bảo N, sinh ngày 03/3/2014. Khi ly hôn bà Trần Thị Lệ S yêu cầu nuôi 03 con chung cháu Võ Hoàng N N, sinh ngày 04/4/2005, cháu Võ Lê Như Q, sinh ngày 01/01/2007, cháu Võ Hoàng Bảo N, sinh ngày 03/3/2014 cho đến ngày thành niên. Bà Trần Thị Lệ S không yêu cầu ông Võ Văn H cấp dưỡng nuôi con chung. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên bà yêu cầu ly hôn ông Võ Văn H.

- Về con chung: Khi ly hôn bà Trần Thị Lệ S yêu cầu nuôi 03 con chung cháu Võ Hoàng N N, sinh ngày 04/4/2005, cháu Võ Lê Như Q, sinh ngày 01/01/2007, cháu Võ Hoàng Bảo N, sinh ngày 03/3/2014 cho đến ngày thành niên. Bà Trần Thị Lệ S không yêu cầu ông Võ Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Theo bị đơn ông Võ Văn H trình bày:

Nguyện vọng của ông là đoàn tụ gia đình, ông vẫn yêu thương vợ con, ông không đồng

* Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được vì ông H vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông H. Ông H không đồng ý ly hôn nhưng trường hợp phải ly hôn thì ông H yêu cầu được nuôi cháu Võ Hoàng Bảo N, sinh ngày 03/3/2014 cho đến ngày thành niên. Bà S nuôi cháu Võ Lê Như Q, sinh ngày 01/01/2007 cho đến ngày thành niên. Còn cháu Võ Hoàng N N, sinh ngày 04/4/2005 đã thành niên ở với ai do cháu quyết định. Bà S đồng ý như ý kiến của ông H về việc nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Lệ S, xử cho bà Trần Thị Lệ S với ông Võ Văn H ly hôn. Về con chung: Giao bà Trần Thị Lệ S nuôi con chung cháu Võ Lê Như Q, sinh ngày 01/01/2007 cho đến ngày con chung thành niên. Giao ông Võ Văn H nuôi cháu Võ Hoàng

Bảo N, sinh ngày 03/3/2014 cho đến ngày con chung thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn" giữa nguyên đơn bà Trần Thị Lệ S và bị đơn ông Võ Văn H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà S và ông H là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức hỏi, cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 08/9/2004. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 11/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có sự tin tưởng nhau, không thống nhất trong việc làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau, mặc dù đã cố hàn gắn Nều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mạnh ai nấy sống, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm lẫn nhau và không có trách Nệm đối với nhau, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt từ tháng 11/2022 đến nay. Bà không sống chung với ông H mà ra thuê nhà ở trọ đi buôn bán, ba con chung ở với bà S.

Tại phiên toà, ông H không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà S, ông H có ý kiến hàn gắn gia đình nhưng ông H không có hướng khắc phục để hàn gắn gia đình. Mặt khác, ông H vẫn có hành vi xung đột đối với bà S trong quá trình Toà án đang giải quyết vụ án. Xét thấy, hôn nhân giữa bà S và ông H tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà S được ly hôn ông H là phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Ông bà có 03 con chung là cháu Võ Hoàng N N, sinh ngày 04/4/2005, cháu Võ Lê Như Q, sinh ngày 01/01/2007, cháu Võ Hoàng Bảo N, sinh ngày 03/3/2014. Tại phiên toà hôm nay, ông H yêu cầu được nuôi cháu Võ Hoàng Bảo N, sinh ngày 03/3/2014. Còn bà S nuôi cháu Võ Lê Như Q, sinh ngày 01/01/2007. Bà S đồng ý. Do đó, giao bà S nuôi cháu Võ Lê Như Q, sinh ngày 01/01/2007, ông H nuôi cháu Võ Hoàng Bảo N, sinh ngày 03/3/2014 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Cháu Võ Hoàng N N, sinh ngày 04/4/2005 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên toà, ông H yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà S. Tuy Nên, trong quá trình giải quyết vụ án bà S cũng như ông H không có yêu cầu này. Ông H không có yêu cầu, không có đơn khởi kiện. Do đó, trường các đương sự tranh chấp về chia tài sản chung trong thời kỳ hôn thì khởi kiện bằng vụ án khác theo thủ tục chung quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Buộc bà Trần Thị Lệ S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 232, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Lệ S, xử cho bà Trần Thị Lệ S với ông Võ Văn H ly hôn.

- Về con chung:

Giao bà Trần Thị Lệ S nuôi con chung cháu Võ Lê Như Q, sinh ngày 01/01/2007 cho đến ngày con chung thành niên.

Về con chung: Giao ông Võ Văn H nuôi con chung cháu Võ Hoàng Bảo N, sinh ngày 03/3/2014 cho đến ngày con chung thành niên.

- Về cấp dưỡng: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; Yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về án phí: Buộc bà Trần Thị Lệ S phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng, bà Trần Thị Lệ S đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007443 ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, bà Trần Thị Lệ S đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Số 46, quyền số 01/04, ngày 08/9/2004;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn N Vũ